

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
H. GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:115/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2018.

V/v “*tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Lắm;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Đỗ Công Minh

2- Ông Nguyễn Văn Mạng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Vĩnh – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “*tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Lê Văn Hoàng T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp D, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

2- *Bị đơn:* Trần Loan P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp D, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T có đơn xin vắng mặt, chị P vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Lê Văn Hoàng T trình bày:* anh và chị Trần Loan P kết hôn năm 2003 có đăng ký kết hôn tại xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ không chăm lo gia đình mà thường xuyên truy cập mạng điện thoại, anh khuyên can nhiều lần nhưng vợ không nghe, đến cuối tháng

8/2017 vợ tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, thời gian ly thân anh có đến nhà cha mẹ vợ để rước vợ về, nhưng vợ không đồng ý, anh xác định không còn tình cảm với vợ nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Lê Thị Kiều D, sinh ngày 19/3/2004, Lê Hoàng L, sinh ngày 14/6/2010, hiện anh đang nuôi dưỡng. Ly hôn, anh yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh xác định không có.

\* Chị Trần Loan P có đăng ký hộ khẩu tại ấp D, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị P không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc xin ly hôn của anh T, theo quy định của pháp luật Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

\* *Ý kiến của Viện kiểm sát*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về hôn nhân, cho anh Lê Văn Hoàng T được ly hôn với chị Trần Loan P; Về con chung, giao anh T tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Thị Kiều D, sinh ngày 19/3/2004 và Lê Hoàng L, sinh ngày 14/6/2010, ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn anh Lê Văn Hoàng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Loan P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để dự phiên tòa, nhưng chị vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị P.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị P trên cơ sở tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, Quyền số 01 ngày 05/11/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nay anh T yêu cầu ly hôn nên xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh T thấy rằng: anh, chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị P không chăm lo hạnh phúc gia đình, mà thường xuyên truy cập mạng điện thoại, anh T khuyên can nhưng không thành. Nhưng vậy, anh chị bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã sống ly thân, trong thời gian ly thân anh T có thiện chí hàn gắn tình cảm nhưng không thành, chị P vẫn về nhà cha mẹ ruột sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P không đến tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ chị không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn của anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị P là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Lê Thị Kiều D, sinh ngày 19/3/2004, Lê Hoàng L, sinh ngày 14/6/2010, hiện anh T đang nuôi dưỡng, anh yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay hai cháu đang sống với anh T đã ổn định trong việc sinh hoạt cũng như việc học tập, đồng thời theo nguyện vọng hai cháu đều muốn sống chung với anh T nên Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Thuận tự nguyện chưa yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: anh T là nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Qua ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang về quan điểm giải quyết vụ án có căn cứ, phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

*- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;*

*- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn Hoàng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Lê Văn Hoàng T được ly hôn với chị Trần Loan P.

## 2. Về nuôi con chung:

- Giao cho anh Lê Văn Hoàng T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Thị Kiều D, sinh ngày 19/3/2004, Lê Hoàng L, sinh ngày 14/6/2010. Ghi nhận Anh T chưa yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở Người không trực tiếp nuôi con chung đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

## 3. Về chia tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí: anh Lê Văn Hoàng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 45213 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Lê Văn Hoàng T và chị Trần Loan P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- C.C THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Lắm**